



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán VNDIRECT

Ngày 31/12/2025	19,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.8%	-	9.3%

DT thuần Q4/25
433
tỷ VNĐ
QoQ: ▼286 -39.7%
YoY: ▲58.0 15.5%

LN thuần Q4/25
21.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲12.2 126%
YoY: ▲18.1 479%

LN sau thuế Q4/25
328
tỷ VNĐ
QoQ: ▲50.0 17.9%
YoY: ▲157 91.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
330%
YoY: +/-▲5.2%

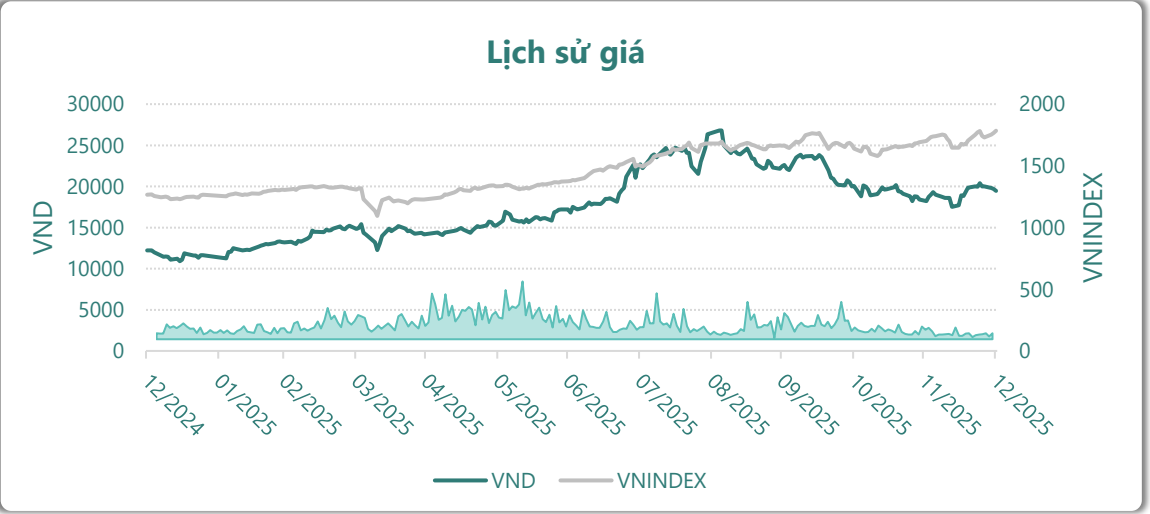
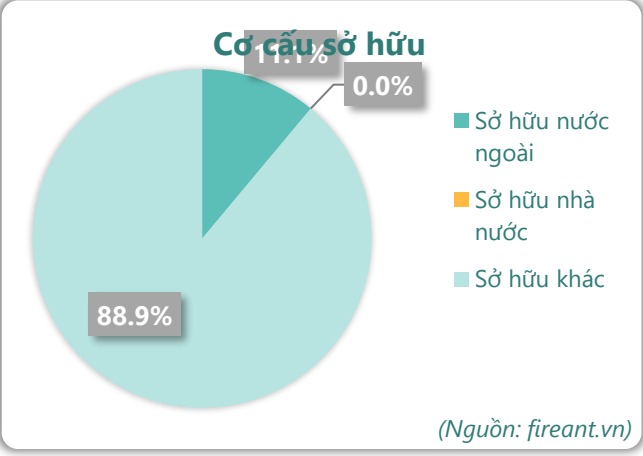
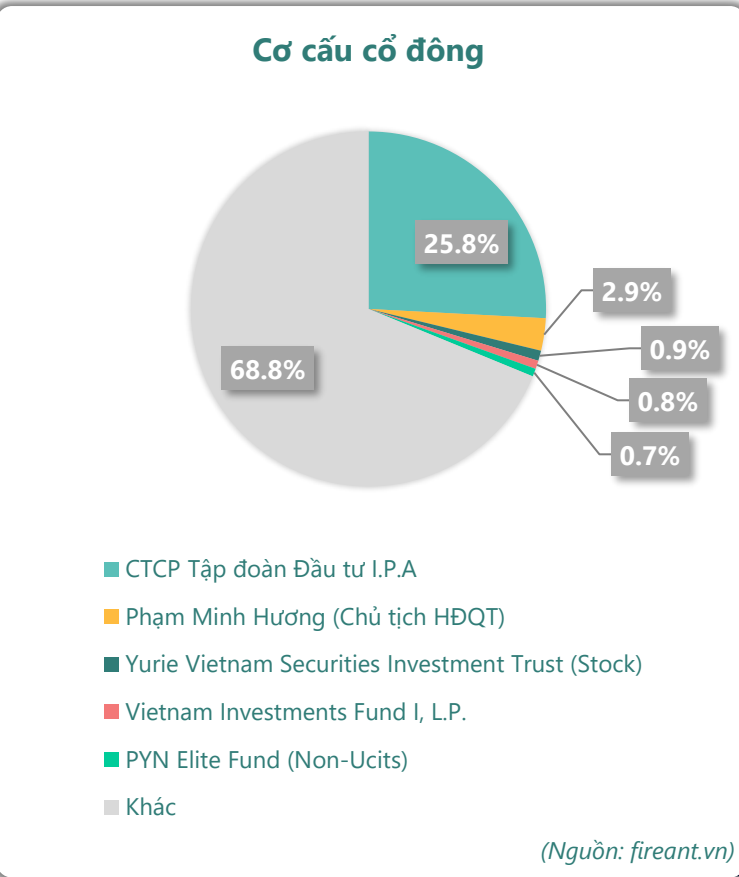
ROE 2025

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,906 - 26,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,609
Số lượng CPLH (CP)	1,522,299,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,182,530
Sở hữu nước ngoài	11.1%
Beta	1.47
EPS	1,328
P/E	14.6

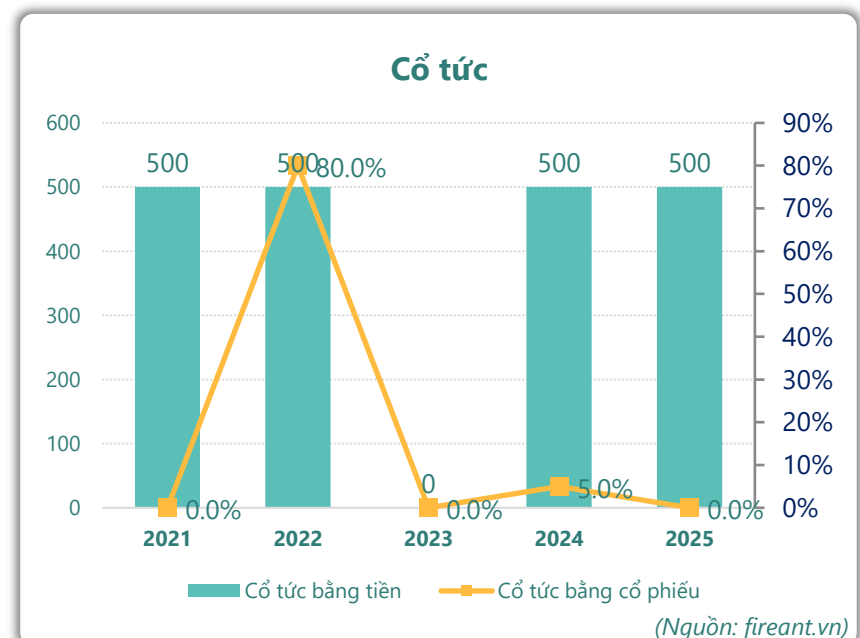
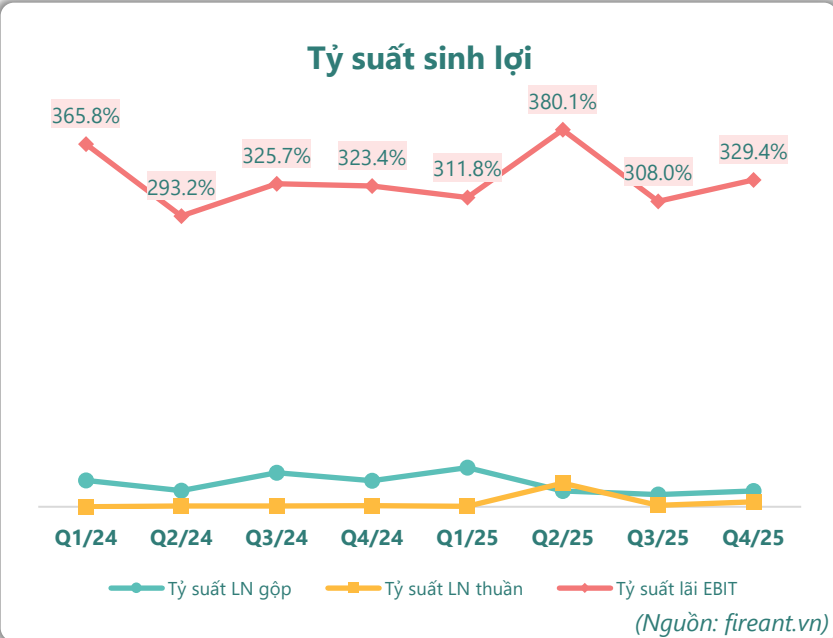
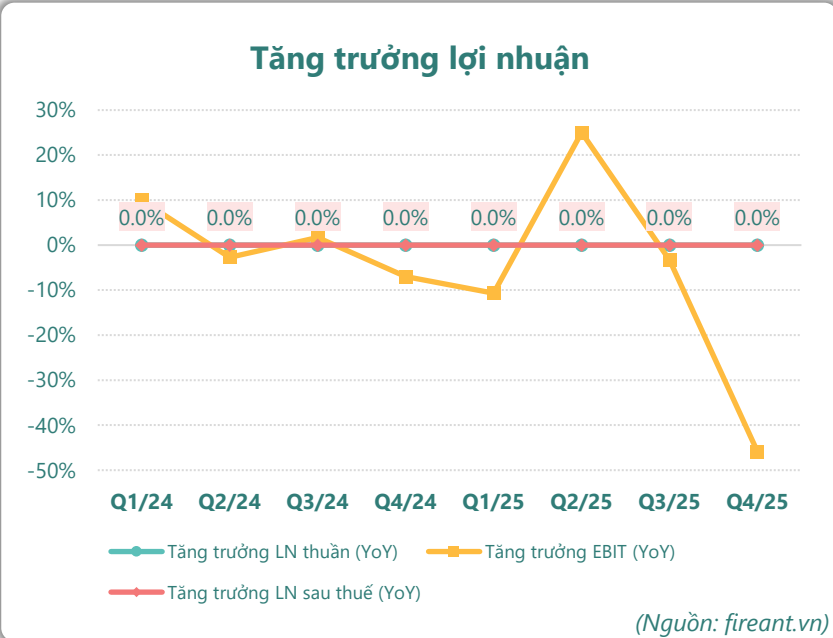
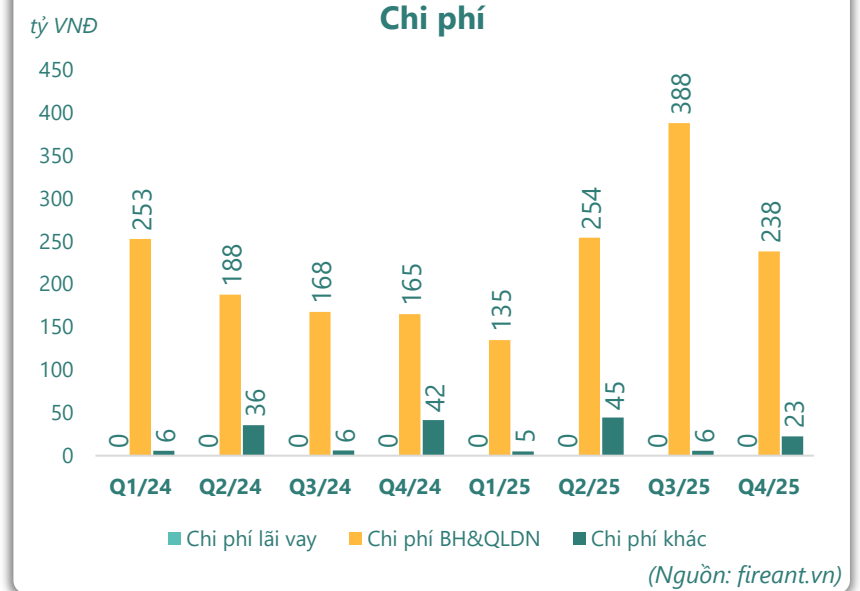
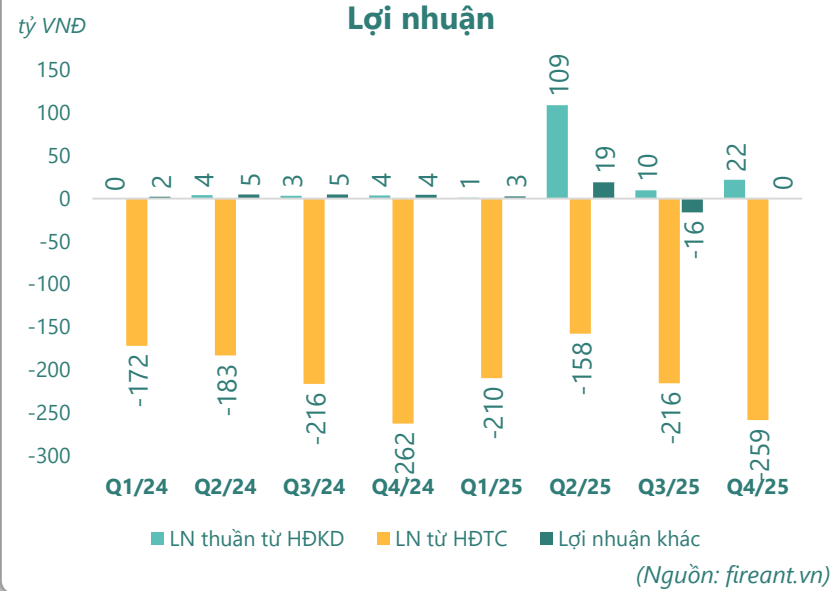
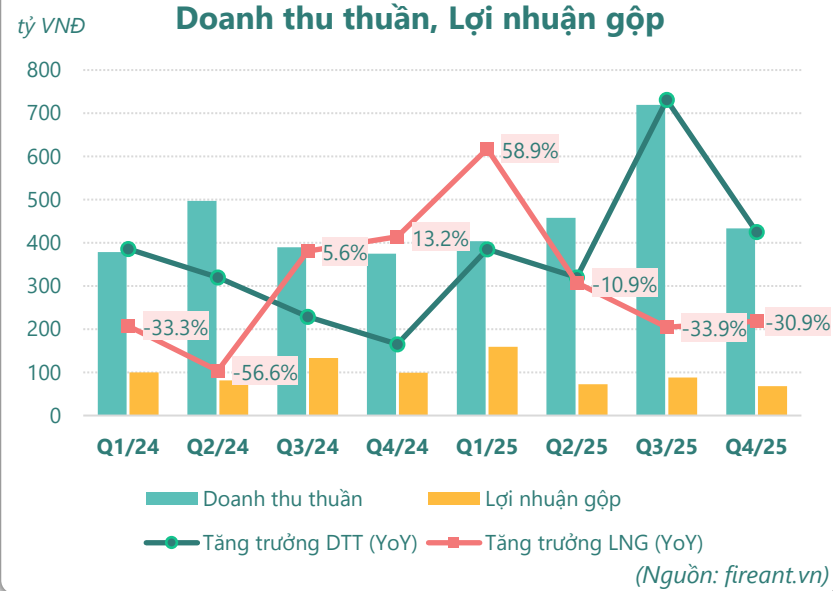
DT thuần 2025
2,014
tỷ VNĐ
YoY: ▲374 22.8%

LN thuần 2025
142
tỷ VNĐ
YoY: ▲130 1087%

LN sau thuế 2025
1,077
tỷ VNĐ
YoY: ▲270 33.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

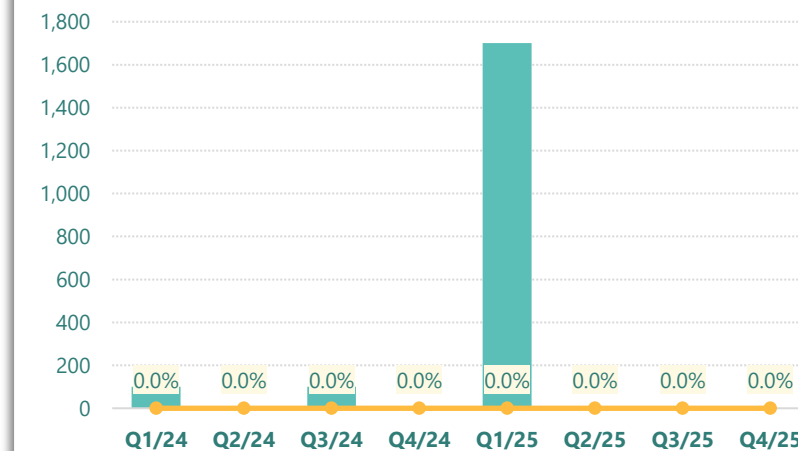
2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

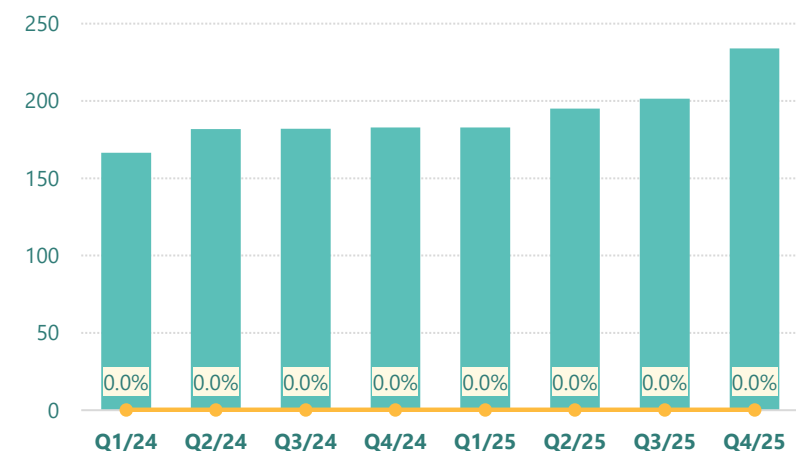


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

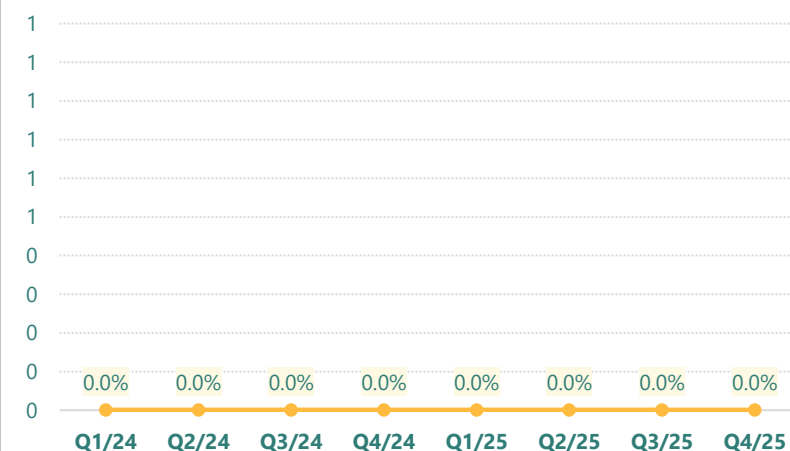


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

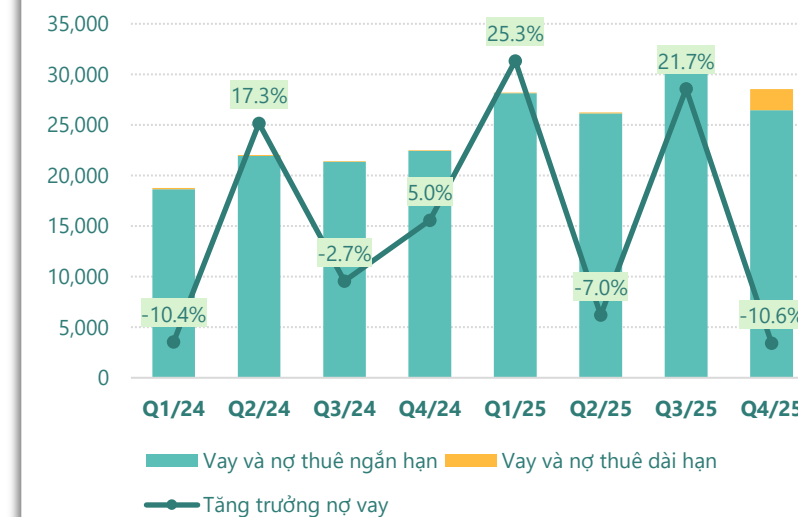


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



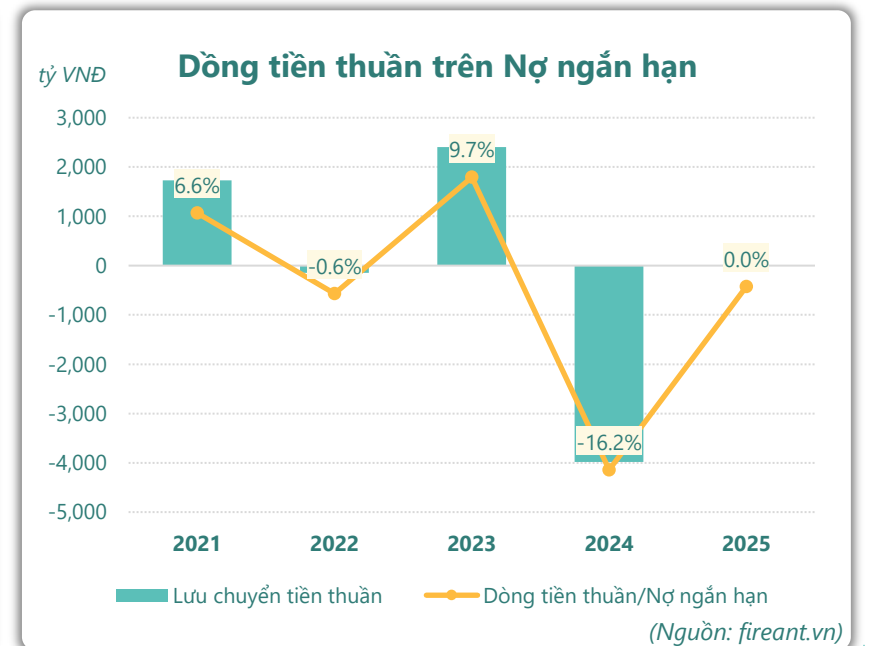
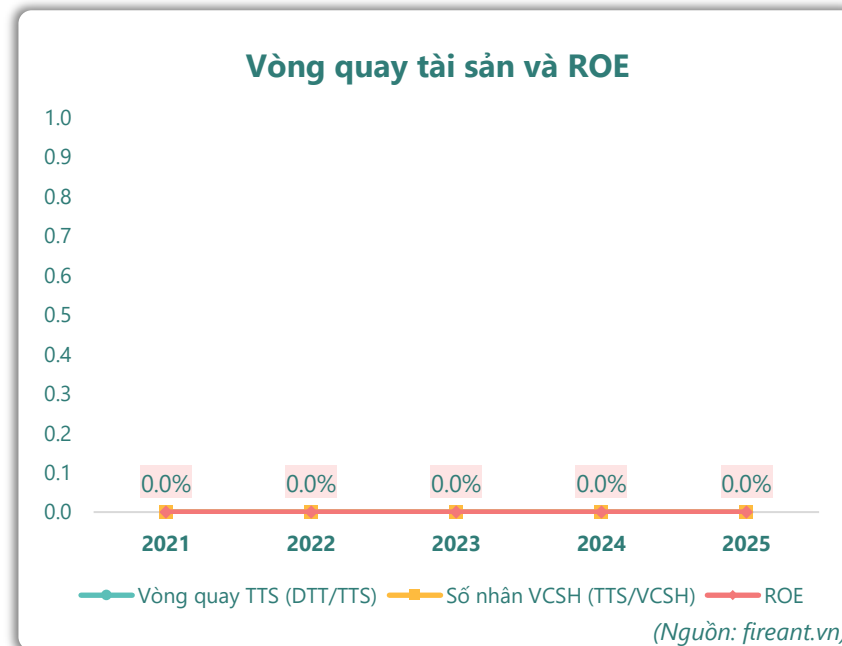
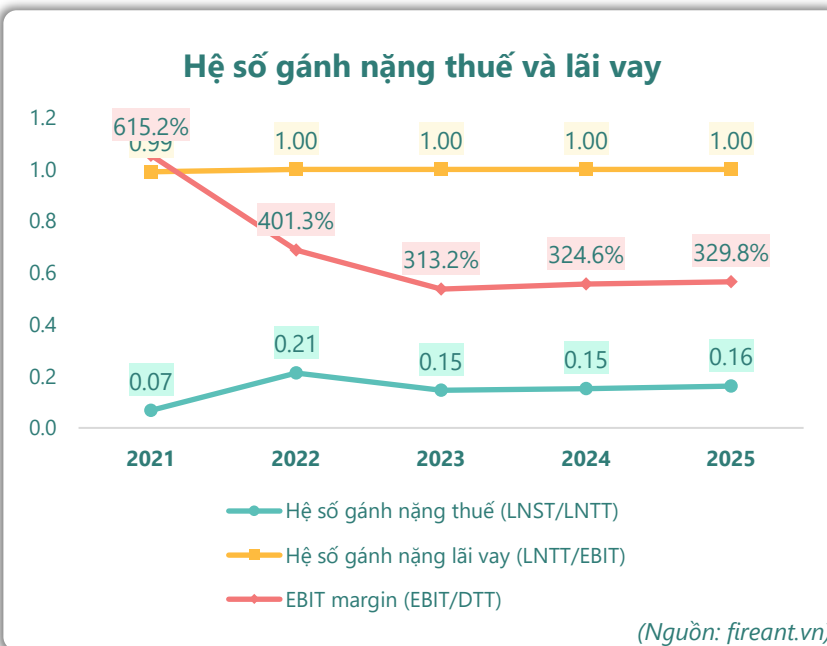
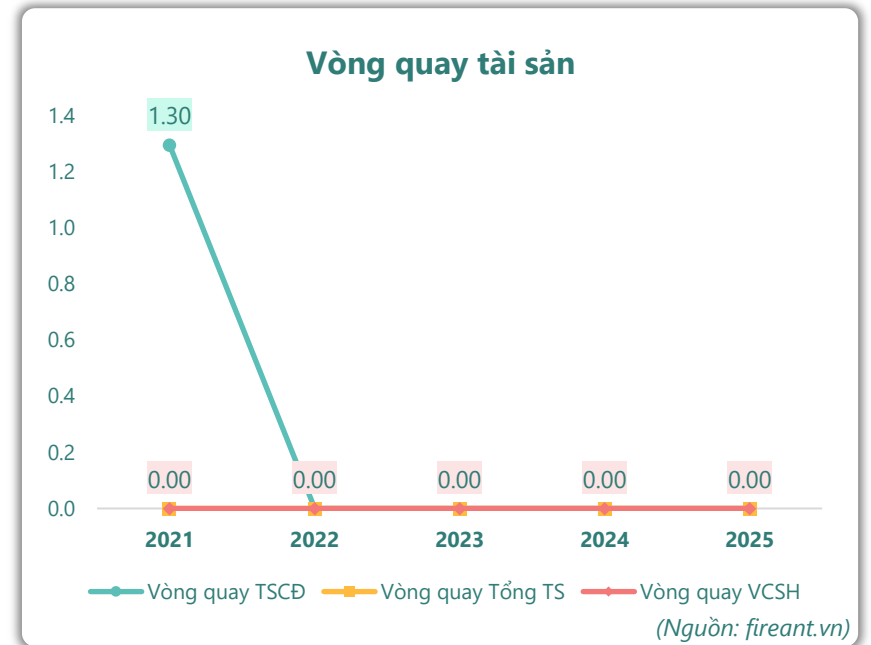
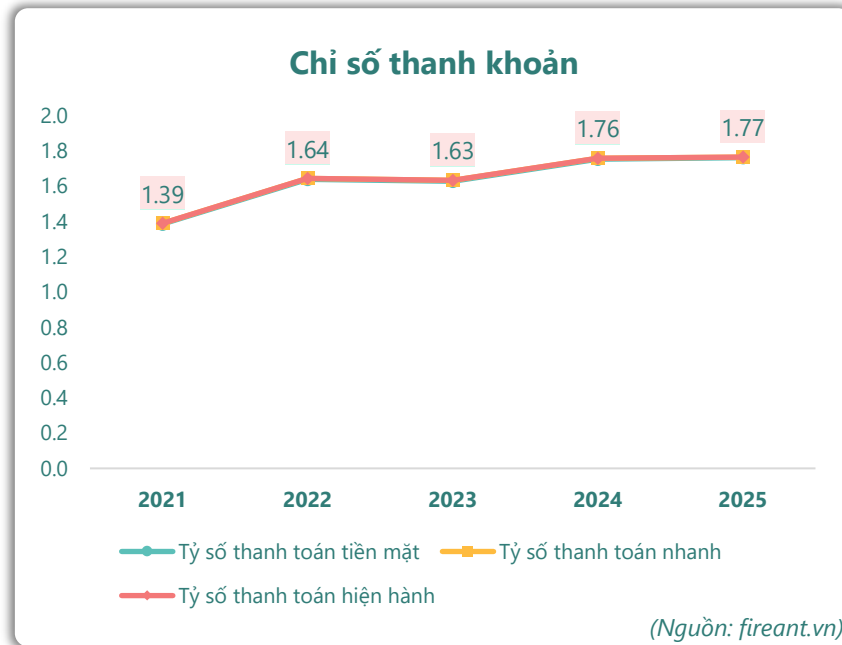
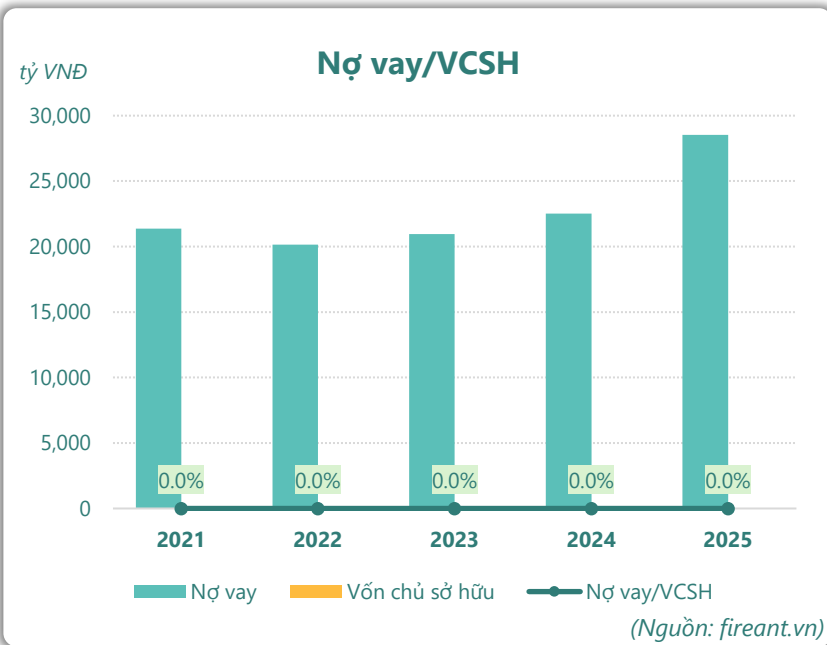
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	433	375	15.5%	2,014	1,640	22.8%
Giá vốn hàng bán	87.1	132	-34.0%	1,051	704	49.4%
Lợi nhuận gộp	68.4	99.0	-30.9%	388	414	-6.2%
Doanh thu HĐTC	148	64.2	131%	552	421	31.0%
Chi phí TC	407	327	24.5%	1,394	1,255	11.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	231	142	62.7%	972	720	35.0%
Chi phí QLDN	7.41	23.0	-67.8%	43.8	54.0	-18.8%
LN thuần từ HĐKD	21.9	3.78	479%	142	11.9	1087%
Lợi nhuận khác	0.29	4.38	-93.4%	5.74	15.8	-63.7%
LN trước thuế	1,427	1,212	17.8%	6,640	5,325	24.7%
Lợi nhuận sau thuế	328	171	91.6%	1,077	807	33.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3,715	-661	-5,203	2,577	-6,175	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.5	-0.54	-3.57	31.9	40.8	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,080	1,086	5,302	-1,999	5,150	0
Tiền đầu kỳ	3,107	457	881	977	1,587	0
Lưu chuyển tiền thuần	-2,651	425	96.2	610	-985	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	457	881	977	1,587	602	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	50,579	43,106	17.3%
Tiền và tương đương tiền	50,481	42,935	17.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	147	-100%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	18.7	32.6	-42.7%
Phải thu dài hạn	1.66	106	-98.4%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	234	183	28.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.23	3.10	-28.1%
Lợi thế thương mại	15.0	15.0	0.0%
Nợ phải trả	30,726	24,580	25.0%
Nợ ngắn hạn	28,656	24,502	17.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26,463	22,436	17.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	2,070	77.2	2580%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

